

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ	
Số: <u>2082</u> TT-UBND	
<b>ĐẾN</b>	Số: <u>2082</u>
	Ngày: <u>25/7</u>
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2016

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển đô thị  
tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII;

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh giao Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các địa phương triển khai thực hiện. Chương trình đã được Tỉnh ủy thông qua tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/7/2016; để có cơ sở phê duyệt Chương trình theo quy định, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Chương trình với các nội dung như sau:

**I. Lý do và sự cần thiết lập Chương trình:**

Thực hiện Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1659/ QĐ-TTg ngày 07/11/2012, trong đó yêu cầu: “Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tổ chức lập, thẩm định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị của địa phương và lồng ghép các chương trình dự án khác có liên quan, bố trí vốn để thực hiện và triển khai xây dựng chương trình”.

## **II. Căn cứ triển khai Chương trình:**

- Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị;
- Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006;
- Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012;
- Các chủ trương, Nghị quyết có liên quan đến phát triển đô thị trong tỉnh;
- Hiện trạng và quy hoạch phát triển các đô thị trong tỉnh đến năm 2020 và 2030;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
- Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý phát triển đô thị;
- Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII.

## **III. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2015:**

### **1. Kết quả thực hiện:**

Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2011-2015 đã xác định các nhiệm vụ ưu tiên cần đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình tạo động lực phát triển đô thị, thúc đẩy đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao môi trường sống cho các khu vực đô thị, đảm bảo các điều kiện sống cần thiết của người dân trong đô thị và các vùng phụ cận.

- Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, tiến hành đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách và ngoài ngân sách. Các đô thị trong tỉnh đã được cải tạo, nâng cấp và phát triển theo hướng văn minh hiện đại, giàu bản sắc.

- Các dự án đầu tư về hạ tầng kỹ thuật cũng được đầu tư đồng bộ và có hiệu quả theo quy hoạch được duyệt. Các khu đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được xây dựng, khớp nối đồng bộ với các khu đô thị hiện hữu

- Việc đầu tư và phát triển các công trình hạ tầng xã hội giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển đô thị và được xây dựng đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và tuân theo quy hoạch được duyệt. Đặc biệt là trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao...

- Cơ cấu lao động tại các đô thị đã chuyển dần theo hướng tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và đa dạng ngành nghề.

## **2. Khó khăn và hạn chế:**

- Việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra phụ thuộc lớn vào sự phát triển kinh tế của từng địa phương trong tỉnh, vấn đề triển khai thực hiện các giải pháp liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương nên việc triển khai các giải pháp thiếu tính đồng bộ và sâu rộng;

- Nhu cầu vốn để đầu tư phát triển đô thị quá lớn, trong khi nguồn vốn ngân sách còn hạn chế nên chỉ có thể tập trung đầu tư 03 vùng kinh tế trọng điểm, một số các dự án của chương trình thuộc địa phương khác chưa được bố trí vốn để triển khai;

- Tình hình lạm phát, biến động giá vật tư và sự thay đổi chính sách về xây dựng, dẫn đến tổng nhu cầu vốn để đầu tư phát triển đô thị theo dự báo không phù hợp với tình hình thực tế. Một số dự án sử dụng vốn ngân sách đã được bố trí vốn nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm;

- Vấn đề xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể dục thể thao,... chưa thu hút được sự quan tâm của xã hội và các nhà đầu tư;

- Việc chậm triển khai các dự án hạ tầng thiết yếu nhằm phục vụ cho việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế như các dự án cung cấp nguồn nước, dự án khu công nghiệp, hạ tầng khu dân cư, đô thị,... đã góp phần kìm hãm sự phát triển kinh tế của từng địa phương trong tỉnh.

## **IV. Nội dung chính của Chương trình:**

### **1. Mục tiêu chung:**

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào năm 2025. Trong đó, thành phố Nha Trang là hạt nhân phát triển. Xây dựng một đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng môi trường sống tốt và là trung tâm du lịch tầm quốc tế; tỷ lệ lấp đầy cao tại các khu đô thị mới; áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý đô thị.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

#### **2.1 Đến năm 2020:**

##### **a) Về tổ chức hệ thống đô thị:**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 60%;

- Hệ thống đô thị bao gồm:

+ Thành phố Nha Trang là đô thị loại I;

+ Thành phố Cam Ranh là đô thị loại III;

+ Các thị xã: Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh là đô thị loại IV. Trong đó, thành lập thị xã Diên Khánh, trên cơ sở huyện Diên Khánh và thành lập thị xã Vạn Ninh, trên cơ sở huyện Vạn Ninh.

+ Các thị trấn - đô thị loại IV gồm: Tô Hạp - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn; Khánh Vĩnh - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh.

+ Các thị trấn - đô thị loại V gồm: Đại Lãnh - đô thị du lịch, dịch vụ cửa ngõ phía Bắc tỉnh, thuộc thị xã Vạn Ninh; Ninh Xuân - Thị trấn huyện lỵ huyện

mới Tân Định, tách ra từ thị xã Ninh Hòa; Suối Tân - Thị trấn dịch vụ, đô thị công nghiệp thuộc huyện Cam Lâm; Cam Đức - Thị trấn huyện lỵ huyện Cam Lâm; Trường Sa - Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa; Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong - tách ra từ huyện Vạn Ninh; Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh (bao gồm xã Cam Hải Đông).

*b) Về chất lượng đô thị:*

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân 22 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 97% (trong đó, nhà kiên cố đạt khoảng 40%).

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng tại các đô thị đạt từ 15% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại thành phố Nha Trang đạt từ 15%, tại thành phố Cam Ranh đạt từ 6%; các đô thị còn lại từ 1% trở lên.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại thành phố Nha Trang và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đạt từ 90% trở lên với chỉ tiêu 120 lít/người/ngày.đêm; các thị xã và thị trấn Tô Hạp đạt từ 70% trở lên với chỉ tiêu 100 lít/người/ngày.đêm; các đô thị khác đạt từ 50% trở lên với chỉ tiêu 80 lít/người/ngày.đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70 - 80% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tỷ lệ từ 40% trở lên; 100% các cơ sở sản xuất mới được xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 85% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị; 100% CTR khu công nghiệp và y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tại thành phố Nha Trang 95% chiều dài các đường phố chính, đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng; tại các đô thị khác 85% chiều dài các đường phố chính và 80% chiều dài các đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng.

- Diện tích đất cây xanh đô thị đạt từ 8m<sup>2</sup>/người trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ 7m<sup>2</sup>/người trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ 5m<sup>2</sup>/người trở lên đối với các đô thị còn lại. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt từ 5m<sup>2</sup>/người trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ 4m<sup>2</sup>/người trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ 3m<sup>2</sup>/người trở lên đối với các đô thị còn lại.

**2.2 Đến năm 2025:**

*a) Tổ chức hệ thống đô thị:*

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 65%;

- Toàn tỉnh Khánh Hòa là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, trong đó:

+ Thành phố Nha Trang được chia tách thành 3 quận nội thành.

+ Thành phố Cam Ranh là đô thị loại II.

+ Các thị xã Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh là đô thị loại IV.

+ Các thị trấn - đô thị loại IV gồm: Tô Hạp - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn; Khánh Vĩnh - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh; Cam Đức - Thị trấn huyện lỵ huyện Cam Lâm.

+ Các thị trấn - đô thị loại V gồm: Đại Lãnh - đô thị du lịch, dịch vụ cửa ngõ phía Bắc tỉnh, thuộc thị xã Vạn Ninh; Ninh Xuân - Thị trấn huyện lỵ huyện Tân Định; Suối Tân - Thị trấn dịch vụ, đô thị công nghiệp thuộc huyện Cam Lâm; Trường Sa - Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa; Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong; Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh.

*b) Về chất lượng đô thị:*

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân:  $26 \text{ m}^2/\text{người}$ ; tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 98% (trong đó: Nhà kiên cố đạt khoảng 50%).

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng tại các đô thị đạt từ 20% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại thành phố Nha Trang đạt từ 20% trở lên, tại thành phố Cam Ranh đạt từ 10% trở lên; các đô thị còn lại từ 02% trở lên.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại thành phố Nha Trang, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, các thị xã và thị trấn Tô Hạp đạt từ 90% trở lên với tiêu chuẩn  $120 \text{ lít/người/ngày.đêm}$ ; các đô thị loại V đạt từ 70% trở lên với tiêu chuẩn  $90 \text{ lít/người/ngày.đêm}$ . Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với các quận nội thành, thành phố Cam Ranh và các thị xã; dưới 25% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80 - 90% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tỷ lệ từ 60% trở lên; 100% các cơ sở sản xuất mới được xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 90% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị; 100% CTR khu công nghiệp và CTR y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tại thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh, 100% chiều dài các đường phố chính, đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng; tại các đô thị khác 90% chiều dài các đường phố chính và 85% chiều dài các đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng.

- Diện tích đất cây xanh đô thị đạt từ  $10 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh; từ  $7 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các thị xã và thị trấn Tô Hạp và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $5 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các đô thị còn lại. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt từ  $6 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ  $5 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $4 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các đô thị còn lại.

**2.3 Đến năm 2030:**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 70%.

- Trên cơ sở các kết quả thực hiện của Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2026 - 2030 sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các dự án tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các điểm còn yếu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị ở các đô thị được nâng cấp và các tiêu chí đô thị cho toàn tỉnh.

### **3. Các giải pháp thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016-2020:**

Chương trình phát triển đô thị là cơ sở triển khai các hoạt động đầu tư, nâng cao chất lượng môi trường sống trong các khu dân cư đô thị; phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm cơ hội việc làm cho người dân. Chương trình phải đảm bảo gắn kết chặt chẽ với nội dung của các Nghị quyết về 03 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh và các chương trình kinh tế trọng điểm khác của tỉnh, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới. Cụ thể như sau:

#### **3.1 Về chính sách**

- Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để kiến nghị sửa đổi, sửa đổi các nội dung không đồng bộ, các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh;

- Cụ thể hóa các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: Phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở xã hội; xây dựng công trình phúc lợi, nhà ở phục vụ người lao động làm việc ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn...

#### **3.2 Về quy hoạch và quản lý đô thị**

- Tiếp tục phủ kín quy hoạch phân khu 1/2000, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại các khu vực đô thị hiện hữu để quản lý công tác xây dựng theo các quy định hiện hành.

- Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; có kế hoạch cụ thể để thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

#### **3.3 Về nguồn nhân lực**

Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đào tạo lao động ở các trình độ; phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trên địa bàn; có chính sách khuyến khích đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút và giữ chân người tài, người có trình độ, tay nghề cao.

#### **3.4 Về xúc tiến đầu tư**

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia. Lập danh mục và thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo, làm cơ sở cho việc đẩy mạnh kêu gọi đầu tư.

- Củng cố, phát triển hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế phối hợp và thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Tham gia tích cực các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

#### **3.5 Về phát triển nhà ở và khu dân cư đô thị**

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng nhà ở và công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho người có thu nhập thấp.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu chung cư cũ; đầu tư xây dựng mới đối với các khu chung cư xuống cấp, không đảm bảo an toàn.

- Đối với các khu đô thị mới, quản lý cơ cấu sản phẩm phù hợp, đảm bảo khả năng lấp đầy cao.

### *3.6 Về vận động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng giao thông*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; phổ biến, công khai thứ tự sắp xếp các danh mục công trình vận động nhân dân tự nguyện đóng góp; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách đầu tư các công trình hạ tầng giao thông mà nhân dân tự nguyện giải tỏa, không yêu cầu bồi thường; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng có sự tham gia đóng góp và giám sát của nhân dân; rà soát, thống nhất những quy định trong việc hỗ trợ đối với các hộ bị giải tỏa trắng, hộ nghèo để đảm bảo tính hợp lý, công bằng, tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi triển khai thực hiện dự án.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về thưởng thông qua đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phúc lợi xã hội, ... đối với các địa phương vận động được nhân dân tự nguyện đóng góp cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện vận động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng giao thông tại địa phương.

### *3.7 Về nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong thực hiện Chương trình*

- Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị ở các địa phương theo phân cấp.

- Duy trì, phát huy hiệu quả cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành với các nhà đầu tư định kỳ 6 tháng một lần để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai đầu tư.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, chính sách, pháp luật Nhà nước đối với các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình.

## **V. Nhu cầu vốn giai đoạn 2016 - 2020:**

Tổng nhu cầu vốn cho phát triển đô thị giai đoạn 2016-2020 khoảng **76.549 tỷ đồng**. Trong đó:

- **Vốn ngân sách: Tổng số 45.638 tỷ đồng**

+ Theo kế hoạch trung hạn 2016-2020 là **25.291,380 tỷ đồng** (bao gồm: Vốn CĐNSDP 12.991,028 tỷ đồng; vốn XSKT 960 tỷ đồng; vốn vay KBNN 2.400 tỷ đồng; vốn TW hỗ trợ 4.657,6 tỷ đồng; Trái phiếu chính phủ 2.336 tỷ đồng, Vốn khác 480,86 tỷ đồng và vốn ODA 1.465,892 tỷ đồng).

+ Phần còn lại khoảng **20.346,62 tỷ đồng**, quá trình thực hiện đầu tư các dự án theo kế hoạch của chương trình sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hút được nguồn thu ngân sách đầu tư lại cho chương trình phát triển đô thị.

- **Vốn ngoài ngân sách: 30.911 tỷ đồng.** Ngoài việc đầu tư phát triển đô thị bằng nguồn vốn ngân sách, cần quan tâm điều chỉnh cơ chế chính sách hợp lý để thu hút đầu tư (quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội). Chủ yếu các dự án về khu đô thị.

#### **VI. Kết luận và kiến nghị:**

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã đề xuất những giải pháp căn bản, nhằm đảm bảo phát huy các tiềm năng của tỉnh một cách tổng hợp, trên cơ sở đó, đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và dự báo nhu cầu vốn, phân loại các nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng khung kết nối các đô thị, cũng như các dự án phát triển của từng đô thị. Đáp ứng yêu cầu định hướng kế hoạch đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý phát triển hạ tầng phục vụ đô thị. Hướng tới mục tiêu phát triển đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, thực hiện các mục tiêu lớn về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để chương trình được thực thi và phát huy hiệu quả trong thực tế phát triển đô thị, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo:

- Các Sở ban ngành tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cụ thể hơn những cơ chế, chính sách để tạo nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục lập chương trình phát triển đô thị cụ thể hơn cho từng đô thị.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030./.

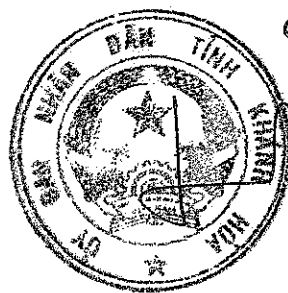
(Đính kèm Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030).

#### **Nơi nhận :**

- Như trên;
- TT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, HgP, CN (30 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND  
“Dự thảo”

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa  
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VI, KỲ HỌP LẦN THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII,

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng 7 năm 2016 của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

### 1. Mục tiêu chung:

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa *trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào năm 2025*. Trong đó, thành phố Nha Trang là hạt nhân phát triển. Xây dựng một đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng môi trường sống tốt và là trung tâm du lịch tầm quốc tế; tỷ lệ lấp đầy cao tại các khu đô thị mới; áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý đô thị.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

#### 2.1 Đến năm 2020:

##### a) Về tổ chức hệ thống đô thị:

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 60%;
- Hệ thống đô thị bao gồm:
  - + Thành phố Nha Trang là đô thị loại I;
  - + Thành phố Cam Ranh là đô thị loại III;
  - + Các thị xã: Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh là đô thị loại IV. Trong đó, thành lập thị xã Diên Khánh, trên cơ sở huyện Diên Khánh và thành lập thị xã Vạn Ninh, trên cơ sở huyện Vạn Ninh.
  - + Các thị trấn - đô thị loại IV gồm: Tô Hạp - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn; Khánh Vĩnh - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh.
  - + Các thị trấn - đô thị loại V gồm: Đại Lãnh - đô thị du lịch, dịch vụ cửa ngõ phía Bắc tỉnh, thuộc thị xã Vạn Ninh; Ninh Xuân - Thị trấn huyện lỵ huyện mới Tân Định, tách ra từ thị xã Ninh Hòa; Suối Tân - Thị trấn dịch vụ, đô thị công nghiệp thuộc huyện Cam Lâm; Cam Đức - Thị trấn huyện lỵ huyện Cam Lâm; Trường Sa - Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa; Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong - tách ra từ huyện Vạn Ninh; Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh (bao gồm xã Cam Hải Đông).

##### b) Về chất lượng đô thị:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân 22 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 97% (trong đó, nhà kiên cố đạt khoảng 40%).
- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng tại các đô thị đạt từ 15% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại thành phố Nha Trang đạt từ 15%, tại thành phố Cam Ranh đạt từ 6%; các đô thị còn lại từ 1% trở lên.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại thành phố Nha Trang và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đạt từ 90% trở lên với chỉ tiêu 120 lít/người/ngày.đêm; các thị xã và thị trấn Tô Hạp đạt từ 70% trở lên với chỉ tiêu 100 lít/người/ngày.đêm; các đô thị khác đạt từ 50% trở lên với chỉ tiêu 80 lít/người/ngày.đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70 - 80% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tỷ lệ từ 40% trở lên; 100% các cơ sở sản xuất mới được xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 85% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị; 100% CTR khu công nghiệp và y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tại thành phố Nha Trang 95% chiều dài các đường phố chính, đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng; tại các đô thị khác 85% chiều dài các đường phố chính và 80% chiều dài các đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng.

- Diện tích đất cây xanh đô thị đạt từ  $8m^2$ /người trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ  $7m^2$ /người trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $5m^2$ /người trở lên đối với các đô thị còn lại. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt từ  $5m^2$ /người trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ  $4m^2$ /người trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $3m^2$ /người trở lên đối với các đô thị còn lại.

## 2.2 Đến năm 2025:

### a) Tổ chức hệ thống đô thị:

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 65%;

- Toàn tỉnh Khánh Hòa là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, trong đó:

+ Thành phố Nha Trang được chia tách thành 3 quận nội thành.

+ Thành phố Cam Ranh là đô thị loại II.

+ Các thị xã Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh là đô thị loại IV.

+ Các thị trấn - đô thị loại IV gồm: Tô Hạp - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Sơn; Khánh Vĩnh - Thị trấn huyện lỵ huyện Khánh Vĩnh; Cam Đức - Thị trấn huyện lỵ huyện Cam Lâm.

+ Các thị trấn - đô thị loại V gồm: Đại Lãnh - đô thị du lịch, dịch vụ cửa ngõ phía Bắc tỉnh, thuộc thị xã Vạn Ninh; Ninh Xuân - Thị trấn huyện lỵ huyện Tân Định; Suối Tân - Thị trấn dịch vụ, đô thị công nghiệp thuộc huyện Cam

Lâm; Trường Sa - Thị trấn huyện lỵ huyện Trường Sa; Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong; Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh.

*b) Về chất lượng đô thị:*

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân:  $26 \text{ m}^2/\text{người}$ ; tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 98% (trong đó: Nhà kiên cố đạt khoảng 50%).

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng tại các đô thị đạt từ 20% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại thành phố Nha Trang đạt từ 20% trở lên, tại thành phố Cam Ranh đạt từ 10% trở lên; các đô thị còn lại từ 02% trở lên.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại thành phố Nha Trang, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, các thị xã và thị trấn Tô Hạp đạt từ 90% trở lên với tiêu chuẩn  $120 \text{ lít/người/ngày.đêm}$ ; các đô thị loại V đạt từ 70% trở lên với tiêu chuẩn  $90 \text{ lít/người/ngày.đêm}$ . Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với các quận nội thành, thành phố Cam Ranh và các thị xã; dưới 25% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80 - 90% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tỷ lệ từ 60% trở lên; 100% các cơ sở sản xuất mới được xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 90% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị; 100% CTR khu công nghiệp và CTR y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tại thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh, 100% chiều dài các đường phố chính, đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng; tại các đô thị khác 90% chiều dài các đường phố chính và 85% chiều dài các đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng.

- Diện tích đất cây xanh đô thị đạt từ  $10 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh; từ  $7 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các thị xã và thị trấn Tô Hạp và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $5 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các đô thị còn lại. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt từ  $6 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Nha Trang; từ  $5 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với thành phố Cam Ranh và Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh và từ  $4 \text{ m}^2/\text{người}$  trở lên đối với các đô thị còn lại.

**2.3 Đến năm 2030:**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 70%.

- Trên cơ sở các kết quả thực hiện của Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2026 - 2030 sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các dự án tạo động lực phát

triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các điểm còn yếu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị ở các đô thị được nâng cấp và các tiêu chí đô thị cho toàn tỉnh.

### 3. Các giải pháp thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016-2020:

Chương trình phát triển đô thị là cơ sở triển khai các hoạt động đầu tư, nâng cao chất lượng môi trường sống trong các khu dân cư đô thị; phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm cơ hội việc làm cho người dân. Chương trình phải đảm bảo gắn kết chặt chẽ với nội dung của các Nghị quyết về 03 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh và các chương trình kinh tế trọng điểm khác của tỉnh, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới. Cụ thể như sau:

#### 3.1 Về chính sách

- Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để kiến nghị sửa đổi, sửa đổi các nội dung không đồng bộ, các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh;

- Cụ thể hóa các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở xã hội; xây dựng công trình phúc lợi, nhà ở phục vụ người lao động làm việc ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn...

#### 3.2 Về quy hoạch và quản lý đô thị

- Tiếp tục phủ kín quy hoạch phân khu 1/2000, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại các khu vực đô thị hiện hữu để quản lý công tác xây dựng theo các quy định hiện hành.

- Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; có kế hoạch cụ thể để thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

#### 3.3 Về nguồn nhân lực

Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đào tạo lao động ở các trình độ; phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trên địa bàn; có chính sách khuyến khích đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút và giữ chân người tài, người có trình độ, tay nghề cao.

#### 3.4 Về xúc tiến đầu tư

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia. Lập danh mục và thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo, làm cơ sở cho việc đẩy mạnh kêu gọi đầu tư.

- Cùng cố, phát triển hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế phối hợp và thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Tham gia tích cực các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

### *3.5 Về phát triển nhà ở và khu dân cư đô thị*

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng nhà ở và công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho người có thu nhập thấp.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu chung cư cũ; đầu tư xây dựng mới đối với các khu chung cư xuống cấp, không đảm bảo an toàn.

- Đối với các khu đô thị mới, quản lý cơ cấu sản phẩm phù hợp, đảm bảo khả năng lấp đầy cao.

### *3.6 Về vận động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng giao thông*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; phổ biến, công khai thứ tự sắp xếp các danh mục công trình vận động nhân dân tự nguyện đóng góp; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách đầu tư các công trình hạ tầng giao thông mà nhân dân tự nguyện giải tỏa, không yêu cầu bồi thường; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng có sự tham gia đóng góp và giám sát của nhân dân; rà soát, thống nhất những quy định trong việc hỗ trợ đối với các hộ bị giải tỏa trắng, hộ nghèo để đảm bảo tính hợp lý, công bằng, tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi triển khai thực hiện dự án.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về thưởng thông qua đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phúc lợi xã hội, ... đối với các địa phương vận động được nhân dân tự nguyện đóng góp cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện vận động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng giao thông tại địa phương.

### *3.7 Về nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong thực hiện Chương trình.*

- Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị ở các địa phương theo phân cấp.

- Duy trì, phát huy hiệu quả cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành với các nhà đầu tư định kỳ 6 tháng một lần để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai đầu tư.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, chính sách, pháp luật Nhà nước đối với các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và tổ chức phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VI, kỳ họp lần thứ 2 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu: VT, HDT, VN

**CHỦ TỊCH**